

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8480201**

Đồng Nai – 2024

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 17 tháng 7 năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)*

Tên ngành đào tạo : Công nghệ thông tin
Mã số : 8480201
Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (tên tiếng Anh là Dong Nai Technology University) thành lập theo Quyết định số 929/QĐ- TTg ngày 16/6/2011 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai (thành lập ngày 3/10/2005) có trụ sở tại Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo.

Qua hơn 18 năm thành lập và phát triển, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai lớn mạnh, cơ sở vật chất hiện đại cùng những tiện ích học tập tiêu chuẩn quốc tế, gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá.... Với các trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt phục vụ tốt cho công tác đào tạo, giảng dạy và học tập của Nhà trường. Cơ sở vật chất cùng trang thiết bị hiện đại tạo thành điểm nhấn, lan tỏa tích cực trong cộng đồng sinh viên.

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đào tạo bậc đại học, Cao học và Tiến sĩ hệ chính quy tập trung. Tính đến 31 tháng 12 năm 2023, Trường có 6215 sinh viên đang theo học tại 09 khoa, 16 ngành đại học và 87 học viên sau đại học. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một trường đại học đa ngành, 16 ngành đại học được tổ chức thành 04 nhóm

ngành (Công nghệ - Kỹ thuật, Khoa học sức khỏe; Kinh doanh quản lý và Nhân văn); 02 ngành thạc sĩ và 01 ngành tiến sĩ. Nhà trường đã có 09 khoá tốt nghiệp bậc đại học. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường. Tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2024, Nhà Trường có 02 Giáo sư, 19 Phó Giáo sư, 83 Tiến sĩ và 259 Thạc sĩ, trong đó nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo bài bản, dài hạn ở các nước phát triển. Với Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2035, Nhà trường tự tin đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy 93% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp (số liệu ngày 31/12/2023). Những con số trên phản ánh trung thực năng lực đào tạo của Nhà trường trong việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Về cơ cấu tổ chức: gồm 09 khoa đào tạo chuyên ngành gồm (Khoa Kinh tế - Quản trị; Khoa Kế toán - Tài chính; Khoa Công nghệ; Khoa Kỹ thuật; Khoa Khoa học sức khỏe; Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Truyền thông và Thiết kế và Khoa Khoa học cơ bản), 09 phòng chức năng (Phòng Đại học, Phòng Sau đại học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán,; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên và Phòng Quản trị thiết bị), 02 Trung tâm (Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Cựu người học) và 01 Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

Về kiểm định chất lượng: Trải qua 12 năm hình thành và phát triển ở môi trường đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã khẳng định được thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục Việt Nam. Tháng 6/2018, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được công nhận đạt “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia” ở lần kiểm định cơ sở giáo dục đầu tiên; tháng 8/2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Trường có 11 chương trình được công nhận đạt kiểm định chất lượng quốc gia vào năm 2019, 2020, 2021 (ngành Công nghệ thực phẩm; ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; ngành Công nghệ thông tin; ngành Kế toán; ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Tài chính – Ngân hàng; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Quản trị kinh doanh; ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ).

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp

tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở của Trường đặt tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là 76.130 m², với diện tích xây dựng hiện hữu là 47.370 m², gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe,... Môi trường học tập khang trang, hiện đại với môi trường sinh thái xanh, tuyệt đẹp là niềm tự hào của sinh viên trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- Ký túc xá: Ký túc xá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009 (giai đoạn còn là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai), nằm trong khuôn viên Nhà trường, thuận tiện việc học tập, sinh hoạt vui chơi thể thao. Có 05 tầng (Trệt, 2, 3, 4, 5) 80 phòng và 560 chỗ ở với tổng diện tích sàn: 5181m². Tầng trệt là canteen, gần nhà để xe, Trung tâm thể thao. Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên: phủ sóng mạng wifi, canteen, các khu vực cung cấp nước nóng miễn phí, nhà để xe. Ký túc xá ưu tiên cho sinh viên các tỉnh về học tập, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Sinh viên có thể đăng ký chỗ ở ký túc xá ngay trong ngày làm thủ tục nhập học đầu khóa.

- Hội trường, phòng học, thư viện: Hội trường của Trường có sức chứa 800 chỗ và các phòng học lớn trên 200 chỗ (01 phòng), Phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (49 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- Phòng thực hành và thí nghiệm: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có 40 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

+ Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh (Phòng thực hành Nhà hàng khách sạn và Phòng kinh doanh).

+ Phòng cabin sử dụng thi tiếng anh và 15 phòng học tiếng anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

+ Phòng thí nghiệm của ngành Môi trường và Công nghệ Sinh học (05 phòng): với rất nhiều thiết bị như: Bếp hồng ngoại, bộ lọc chân không, cân phân tích, cân kỹ thuật, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy BOD, máy bơm định lượng, máy DO,

máy đo độ dẫn điện, máy đo độ ồn, máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí, máy khuấy từ gia nhiệt, máy li tâm, máy đo pH, máy quang phổ, máy so màu, máy chưng cất nước, máy đo vi khí hậu, máy lọc CO₂, thiết bị đốt nóng mẫu, tủ sấy, tủ ẩm, máy vortex, máy ly tâm, máy đo tiếng ồn, máy rửa siêu âm, tủ hút khí độc, tủ cấy vi sinh, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy khuấy, máy li tâm, máy điện di, máy chạy PCR, máy lắc, kính hiển vi, máy đo OD, máy sấy thăng hoa, tủ sấy, tủ ủ, máy phá đập, máy đo UV-Vis...,

+ Phòng thí nghiệm Khối ngành sức khỏe: Ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (04 phòng): gồm các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho người bệnh, mô hình, đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu và phân tích mẫu phục vụ xét nghiệm y học.

+ Xưởng thực hành cơ khí - ô tô (khu thực hành nhà F): 06 phòng.

+ Phòng thực tế ảo Innovation Lab (khu thực hành nhà F): 02 phòng.

+ Phòng Lab tin học: 03 phòng.

+ Phòng thực hành studio: 01 phòng.

- Trung tâm Thông tin - Thư viện: được thiết kế một tòa nhà 2 tầng, Nhà C có diện tích sử dụng 3.123 m² bao gồm:

+ Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ Về nguồn tài liệu: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com): với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội...cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới. Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo với 88 thành viên là thư viện các trường đại học, học viện ở Việt Nam, giúp cho người học có thể kết nối đến nguồn tri thức số khổng lồ, phục vụ cho nhu cầu tự học, tự nghiên cứu và phát triển sáng tạo.

+ Hợp tác liên thư viện: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ Phần mềm quản lý: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

1.2. Sự cần thiết về việc mở ngành

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

Trong chiến lược phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều cơ chế, chính sách ưu tiên cho phát triển ngành công nghệ thông tin (CNTT). Trước thực trạng thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ thông tin, đặc biệt là nhân lực trình độ cao, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai mở ngành đào tạo công nghệ thông tin trình độ thạc sĩ là phù hợp với nhu cầu nhân lực của tỉnh Đồng Nai, vùng Đông Nam Bộ, cả nước và đảm bảo hội nhập quốc tế, điều đó được thể hiện cụ thể trong các văn bản chỉ đạo, định hướng của các cấp chính quyền:

- Đối với tỉnh Đồng Nai:

Theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Trong đó nhận thức rõ tầm quan trọng về chuyển đổi số với 3 trụ cột gồm chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo định hướng của Đảng, Chính phủ. Nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực được xác định trọng điểm là Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông chất lượng cao, sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh...Đẩy mạnh hợp tác với các Viện, trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình chuyển đổi số. Tỉnh Đồng Nai cũng đã xác định tầm nhìn đến 2050 sẽ là một trong các cực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam; đi đầu trong phát triển công nghiệp tạo giá trị cao; đầu mối giao thương quốc tế và đô thị đẳng cấp, đáng sống; nơi tập trung trí thức và nhân tài; lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm, hoàn thành mục tiêu phát thải trung tính "net-zero 2050". Mô hình phát triển

của tỉnh Đồng Nai tới đây bao gồm 5 trụ cột: Trung tâm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp hiện đại; thành phố sân bay – trung tâm hội nhập quốc tế; chuỗi đô thị dịch vụ ven núi, ven sông, ven hồ đẳng cấp; nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững và phát triển chiến lược tăng trưởng xanh. Tỉnh sẽ quy hoạch, định hướng xây dựng hình thành Digital Hub tại các khu vực gần sân bay Long Thành, với quy mô hợp lý, kết hợp các vùng đô thị tiện ích xung quanh và vùng đổi mới sáng tạo, tạo thành một tổng thể hệ sinh thái Digital Hub đảm bảo cho sự phát triển của tỉnh Đồng Nai.

- Đối với Vùng Đông Nam Bộ:

Khu vực Đông Nam bộ bao gồm 6 tỉnh, thành phố là Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước và Tây Ninh. Là vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất cả nước với nhiều ngành nghề sản xuất, dịch vụ hiện đại, đóng góp quan trọng vào hội nhập quốc tế, vì vậy mà vùng Đông Nam bộ đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ yêu cầu phát triển. Tháng 4/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo Đề án xây dựng vùng động lực Công nghiệp – Công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong đó, Bình Dương nhấn mạnh đến mô hình phát triển đô thị thông minh và mô hình 5 lớp đề án vùng đổi mới sáng tạo Bình Dương (quy hoạch đô thị và hạ tầng giao thông công cộng – xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo – phát triển kinh tế cân bằng – chuyển đổi số và phát triển công nghiệp 4.0 – phát triển nguồn nhân lực). Đồng Nai sẽ phát huy lợi thế sân bay quốc tế Long Thành, và lợi thế gần kề siêu cảng Cái Mép (Bà Rịa – Vũng Tàu), mong muốn tập trung cung cấp các dịch vụ Công nghệ thông tin cho các mảng logistics, công nghiệp, sân bay, bến cảng, các hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Bà Rịa – Vũng Tàu tập trung 4 trụ cột công nghiệp; cảng biển; du lịch; nông nghiệp công nghệ cao, là địa phương trong nhóm 14 địa phương dẫn đầu về “Thế chế số”; nhóm 10 địa phương dẫn đầu về “Hạ tầng số”. Do đó, vùng Đông Nam Bộ có nhu cầu rất lớn nhân lực trình độ cao về công nghệ thông tin, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay.

- Đối với Quốc gia:

Trong chiến lược phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước đã có nhiều quyết sách khẳng định chuyển đổi số là quá trình tất yếu của Việt Nam để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Điều này đã được thể hiện bởi Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Một trong những định hướng lớn là ưu tiên phát triển ngành Công nghiệp Công nghệ thông tin với sự nhấn mạnh phát triển đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Việt Nam đang là điểm đến của hàng loạt tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới. Cụ thể, Qualcomm của Mỹ mở Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) tại Hà Nội; LG lên kế hoạch đầu tư 15.000 - 20.000 tỷ đồng xây dựng khu công nghiệp thông minh, nhà

máy thông minh tại Đồng Nai; HCL của Ấn Độ thành lập Trung tâm Công nghệ với vốn đầu tư 650 triệu USD và đặt mục tiêu đào tạo, tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gồm 10.000 - 20.000 kỹ sư tại Việt Nam trong đó ngành Công nghệ thông tin đang nhận được rất nhiều sự quan tâm. Vì vậy mà phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin đang là yếu tố then chốt, đảm bảo chất lượng đồng bộ, dịch chuyển theo hướng tăng nhanh tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ cao, tăng cường năng lực công nghệ thông tin quốc gia.

- Đối với hội nhập quốc tế:

Hội nhập quốc tế ngày càng trở nên sâu rộng và là yếu tố quan trọng trong phát triển đối với ngành công nghệ thông tin, trên thế giới có nhiều tập đoàn đa quốc gia đang hoạt động trong lĩnh vực này, cùng với đó là chính sách nhập khẩu lao động nhân lực công nghệ thông tin của các nước lớn như Mỹ, Ấn Độ, Nhật bản... ngoài ra Việt Nam đang là quốc gia thu hút được nhiều tập đoàn công nghệ lớn đến đầu tư và sản xuất. Vì vậy đào tạo công nghệ thông tin trình độ thạc sĩ sẽ:

+ *Cần thiết cho việc hội nhập quốc tế:* Các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận và áp dụng rộng rãi trong nhiều dự án quốc tế, vì vậy Chương trình đào tạo sẽ trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và tiêu chuẩn quốc tế cần thiết để tham gia vào các dự án toàn cầu.

+ *Nâng cao chất lượng đào tạo:* Học viên có cơ hội tiếp cận với những kiến thức, công nghệ tiên tiến và phương pháp giảng dạy mới từ các chuyên gia thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong nước và đến từ các đối tác nước ngoài. Giúp học viên phát triển kỹ năng chuyên môn, tư duy sáng tạo và khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa.

+ *Tạo cơ hội việc làm quốc tế:* Được trang bị những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và các tiêu chuẩn quốc tế cần thiết Học viên có khả năng cạnh tranh, làm việc và thích ứng nhanh trong các công ty công nghệ thông tin trên thế giới, tham gia các dự án nghiên cứu, hợp tác xuyên quốc gia.

Từ phân tích nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và đáp ứng được xu thế hội nhập quốc tế, việc đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ thạc sĩ là quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh Đồng Nai và vùng Đông Nam Bộ, phù hợp với định hướng của quốc gia, đáp ứng nhu cầu hội nhập của thị trường trong và ngoài nước.

1.2.1. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo:

Với quan điểm phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sớm trở thành Trường Đại học số hiện đại, có nhiều điểm khác biệt đặc trưng, tạo môi trường nuôi dưỡng và kiến tạo giá trị gia tăng cho nhà trường và các bên liên quan. Mô hình quản lý hoạt động linh hoạt, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp các dịch vụ chất lượng, đưa ra quyết định kịp thời, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu, tự động phân tích dữ liệu và chuyển hóa để tạo ra các giá trị mới. Việc mở ngành đào tạo

thạc sĩ Công nghệ thông tin được xác định cụ thể tại mục tiêu phát triển đào tạo giai đoạn 2021-2025 của Nhà trường trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 được ban hành kèm theo Nghị quyết số: 206/NQ-ĐHCNĐN-HĐT, ngày 03/9/2021 của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ về đào tạo đa ngành, đa bậc học:

Việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tạo ra một lựa chọn mới phù hợp với sinh viên sau khi tốt nghiệp trình độ đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin muốn theo đuổi học tập và nghiên cứu sâu hơn ở lĩnh vực này. Đồng thời việc thiết kế chương trình đào tạo logic, khoa học, cập nhật các kiến thức, công nghệ mới, giúp người học có những kiến thức, kỹ năng cần thiết để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin sau tốt nghiệp.

Phù hợp với quá trình xây dựng thương hiệu và địa chỉ tin cậy trong đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin sẽ tạo thêm niềm tin và sự hấp dẫn đối với sinh viên có quan tâm tới lĩnh vực này. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với môi trường học tập hiện đại, đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển khả năng của cá nhân và sự nghiệp sau này. Đồng thời việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin còn là cơ hội để Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và tạo ra những dự án nghiên cứu chung với các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin. Điều này cũng cố, nâng cao vị thế của Nhà trường và tăng khả năng về chuyển giao công nghệ.

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin:

Trong những năm gần đây Việt Nam đã có nhiều thay đổi tích cực trong công cuộc chuyển đổi số, tiến tới một nền kinh tế số, xã hội số. Để đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi này, Việt Nam cần phát triển thêm 50.000 doanh nghiệp công nghệ thông tin, vì vậy mà làn sóng khởi nghiệp công nghệ, cũng như việc gia tăng các dự án khởi nghiệp (startup) từ các công ty lớn đã có mặt trên thị trường. Đồng thời một xu hướng mang tên Make in Vietnam đang trên đà phát triển mạnh, những công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã bắt đầu định hướng về việc giới thiệu sản phẩm Việt Nam ra thế giới. Mặt khác, theo đánh giá trong thời điểm hiện nay, ngành Công nghệ thông tin là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam. Đã có hơn 153 cơ sở tổ chức đào tạo được khoảng 50,000 nhân sự cho ngành Công nghệ thông tin mỗi năm. Theo thống kê của báo thị trường Công nghệ

thông tin (<https://topdev.vn/page/bao-cao-it-viet-nam>) vào tháng 9/2023, nhu cầu tuyển dụng trong ngành Công nghệ thông tin, Việt Nam cần hơn 550.000 nhân lực, dự kiến năm 2024 là 650.000 và năm 2025 là 700.000. Nhưng hiện tại, mỗi năm các cơ sở chỉ đào tạo được khoảng 50.000 nhân sự cho ngành Công nghệ thông tin. Như vậy, hàng năm nhân lực bổ sung cho ngành Công nghệ thông tin thiếu rất nhiều. Đồng thời thống kê của báo thị trường Công nghệ thông tin năm 2023 cũng cho thấy có 87,3% doanh nghiệp ưa thích tuyển dụng nhân sự có nền tảng công nghệ mang tính học thuật cao, đối với cấp Lãnh đạo/Quản lý tỷ lệ công việc CNTT tăng lên từ năm 2022 đến năm 2023 tương ứng từ 20,1% lên 29,6%. Từ định hướng chuyển đổi số của Việt Nam và báo cáo thống kê của báo thị trường Công nghệ thông tin cho thấy nhu cầu ngày càng tăng đối với nhân lực có kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu, kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong lĩnh vực CNTT.

Để đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan về số lượng, trình độ, yêu cầu năng lực của người học mà nhà tuyển dụng mong muốn cũng như xu hướng phát triển của ngành công nghệ thông tin trong thời gian tới. Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của 45 đơn vị sử dụng lao động, có phạm vi hoạt động đúng chuyên ngành và gần với chuyên ngành đào tạo về nhu cầu và triển vọng sử dụng nhân sự ngành Công nghệ thông tin trình độ cao; 32 chuyên gia và giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin; 200 sinh viên năm cuối và cựu sinh viên ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Kết quả khảo sát cho thấy:

- Đối với doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (nhà sử dụng lao động)

Nội dung khảo sát liên quan tới yêu cầu năng lực mà người học cần có, nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ thạc sĩ, sự cần thiết của chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, những nội dung cốt lõi và cần thiết của chương trình đào tạo, sự quan tâm của doanh nghiệp đến các công nghệ mới cũng như xu hướng đào tạo thạc sĩ về Công nghệ thông tin. Kết quả thu được:

+ 32 doanh nghiệp (71%) yêu cầu trình độ thạc sĩ Công nghệ thông tin cho các vị trí công việc cấp cao, cho thấy sự quan tâm đến kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực này.

+ 35 doanh nghiệp (77%) đánh giá cao và mong muốn nhân viên có trình độ sau đại học, cho thấy sự chú trọng vào việc tiếp tục nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn sau khi tốt nghiệp,

+ 37 doanh nghiệp (82%) đang sử dụng hoặc quan tâm đến công nghệ mới, điều này cho thấy sự cần thiết của việc cập nhật kiến thức về công nghệ trong chương trình đào tạo

+ 38 doanh nghiệp (84%) cho rằng việc đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin là cần thiết để đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

+ 33 doanh nghiệp (73%) quan tâm đến chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin theo hướng ứng dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng của kiến thức trong công việc thực tế.

+ 39 doanh nghiệp (86%) đánh giá các kỹ năng và kiến thức chuyên môn quan trọng cần có cho học viên như: Tư vấn và triển khai dự án; Quản lý dự án, nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến.

+ Các ý kiến góp ý khác: Chương trình đào tạo cần chú trọng vào việc phát triển thêm kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian. Giúp học viên trở thành những chuyên gia công nghệ thông tin xuất sắc và có khả năng thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và thay đổi.

Dựa trên phân tích này, có thể kết luận rằng việc mở ngành Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là rất cần thiết và phù hợp với yêu cầu và xu hướng của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, cần tập trung vào việc phát triển chương trình đào tạo ứng dụng, hướng đến việc cung cấp kiến thức chuyên sâu và thực hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

- Các chuyên gia và giảng viên trong ngành

Tìm hiểu ý kiến và đánh giá từ 32 chuyên gia hàng đầu, giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin cũng là một phương pháp quan trọng. Họ có cái nhìn sâu sắc về các yêu cầu chuyên môn, xu hướng công nghệ mới và những kỹ năng cần thiết để phát triển ngành này. Kết quả thu được:

+ 100% các chuyên gia và giảng viên đồng ý rằng kỹ năng và kiến thức chuyên sâu đóng vai trò quan trọng trong phát triển của ngành Công nghệ thông tin. Đồng thời, họ cũng nhất trí về việc cập nhật chương trình theo kịp xu hướng công nghệ mới, thường xuyên cải tiến, bổ sung để đáp ứng yêu cầu công việc và sự phát triển của ngành. Để thực hiện được những điều này, tất cả các chuyên gia và giảng viên đều ủng hộ việc đào tạo chương trình Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin.

+ Chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ thông tin của Trường phát triển theo hướng ứng dụng đã nhận được 27 ý kiến đồng ý của các chuyên gia và giảng viên, chiếm 84%. Điều này cho thấy việc ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin là rất cần thiết.

+ 82% các chuyên gia và giảng viên đánh giá các kỹ năng và kiến thức chuyên môn quan trọng cần có cho học viên như: Tư vấn và triển khai dự án; Quản lý dự án, nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến.

+ Các ý kiến góp ý khác: Nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua việc sử dụng phương pháp giảng dạy sáng tạo, thực tế và ứng dụng cũng được đề xuất để học viên có được trải nghiệm học tập tốt hơn.

Thông qua việc tham khảo ý kiến và đánh giá từ chuyên gia và giảng viên, chúng ta có thể thấy rằng mở ngành Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là rất cần thiết và phù hợp. Điều này sẽ giúp đáp ứng nhu cầu nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn của người học, tăng cường ứng dụng, thực hành và thực tế trong quá trình đào tạo.

- Người học (sinh viên năm cuối và cựu sinh viên của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai).

Khảo sát ý kiến và nhu cầu của 200 người học là sinh viên năm cuối và cựu sinh viên đang hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin sẽ giúp hiểu rõ hơn về sự quan tâm và mong muốn của người lao động tương lai. Điều này giúp đảm bảo chương trình đào tạo Thạc sĩ phù hợp với nhu cầu và mong đợi của người học, từ đó tạo ra nguồn nhân lực chất lượng và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Kết quả thu được:

- + 80% (160 người) cho biết có nhu cầu học Thạc sĩ để nâng cao trình độ
- + 40% (80 người) quyết định sẽ học Thạc sĩ ngay sau khi tốt nghiệp Đại học
- + 92% (185 người) cho rằng đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin là cần thiết để nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn của bản thân.

- + 75% (155 người) ủng hộ việc phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin theo hướng ứng dụng.

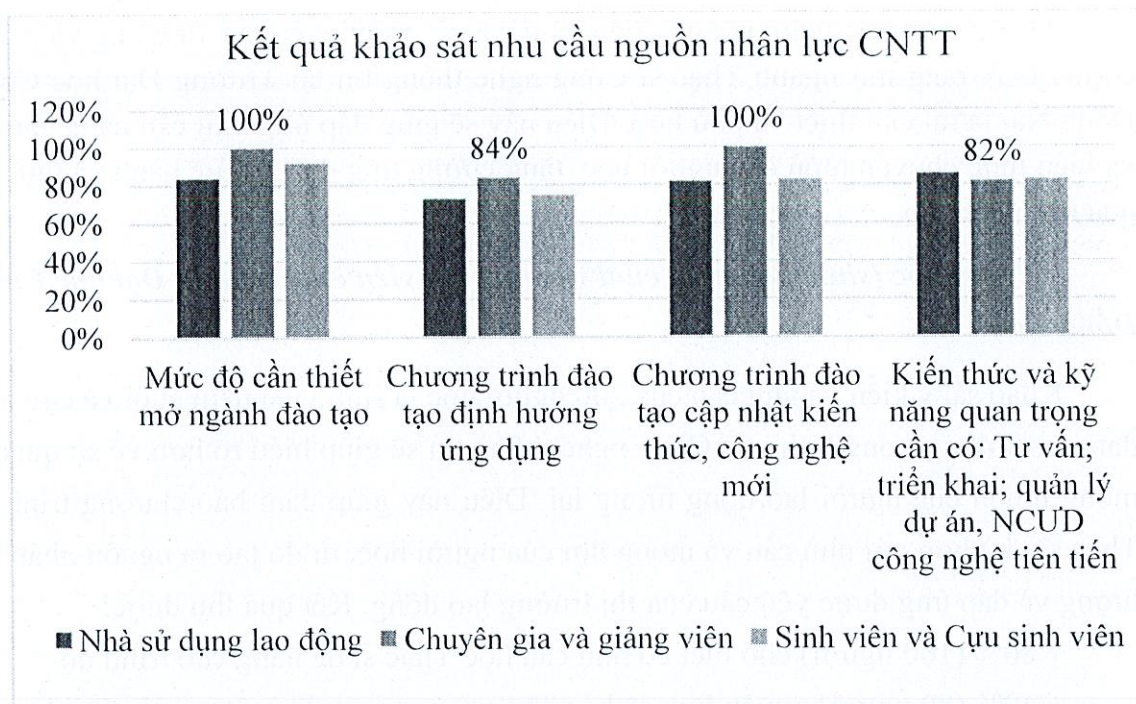
- + 83% (166 người) đánh giá các kỹ năng và kiến thức chuyên môn quan trọng cần có như: Tư vấn và triển khai dự án; Quản lý dự án, nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- + Các ý kiến góp ý khác: Chương trình đào tạo nên đảm bảo tính thực tiễn bằng cách kết hợp giảng dạy lý thuyết với các dự án và trải nghiệm thực tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Nhà trường nên thiết lập mối liên kết với các trường đại học và tổ chức quốc tế để cung cấp cơ hội học tập, hợp tác nghiên cứu và tiếp cận nhanh với công nghệ.

Từ kết quả khảo sát, cho thấy được nhu cầu và mong muốn của sinh viên năm cuối và cựu sinh viên Công nghệ thông tin trong học tập nâng cao trình độ, việc mở ngành thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Đại học Công nghệ Đồng Nai là cần thiết và phù hợp, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Kết luận

Trên 82% ý kiến của Nhà sử dụng lao động, chuyên gia và giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên đều cho rằng việc mở chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là cần thiết. Điểm chung của các ý kiến thu thập từ các nhóm này (chiếm trên 73%) là sự ủng hộ cao với việc phát triển chương trình theo hướng ứng dụng. Đồng thời chương trình cần tập trung vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, trang bị kiến thức và kỹ năng quan trọng cho người học như: Tư vấn, triển khai, quản lý dự án; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới (có trên 82% ý kiến đồng ý). Kết quả khảo sát các bên liên quan được thể hiện trên Hình 1.



Hình 1. Kết quả khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan

Đồng thời có 77% Doanh nghiệp mong muốn nhân viên có trình độ sau đại học, và khuyến khích việc tiếp tục học tập nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Trên 80% ý kiến của sinh viên và cựu sinh viên có nhu cầu học thạc sĩ để nâng cao trình độ. Đồng thời theo thống kê của báo thị trường Công nghệ thông tin vào tháng 9/2023 về nhu cầu tuyển dụng trong ngành Công nghệ thông tin, Việt Nam cần hơn 550.000 nhân lực, dự kiến năm 2024 là 650.000 và năm 2025 là 700.000. Các kết quả khảo sát và phân tích cho thấy việc mở ngành Đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin là cần thiết, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và của các bên liên quan.

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành

Khoa Công nghệ thông tin là khoa chuyên môn thuộc Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 20/QĐ-ĐHCNĐN-HĐT ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trên cơ sở tách khoa Công nghệ thành Khoa Kỹ thuật và Khoa Công nghệ thông tin.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 01 ngành Công nghệ thông tin ở bậc đại học và dự kiến đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trong năm 2024.

Về Cơ cấu tổ chức: Khoa Công nghệ thông tin bao gồm Ban lãnh đạo khoa; Bộ môn Công nghệ thông tin và Bộ môn Kỹ thuật phần mềm. Tổng số cán bộ, giảng viên của Khoa là 31 người gồm 1 phó Giáo sư, 10 Tiến sĩ và 20 Thạc sĩ. Nhu cầu trong giai đoạn 2023-2025 cần 40 người, bao gồm 01 Phó Giáo sư; 13 Tiến sĩ và 26 Thạc sĩ. Tất cả giảng viên đều tốt nghiệp từ các chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được phân công, đáp ứng năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhu cầu người học. Trong đó nhân sự của Bộ môn Công nghệ thông tin có 18 giảng viên gồm: 01 PGS, 05 TS và 12 ThS ngành Công nghệ thông tin. Ngoài đội ngũ giảng viên chính, Khoa còn có đội ngũ thỉnh giảng với 6 giảng

viên giàu kinh nghiệm. Điều này đảm bảo rằng người học sẽ được học tập và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia hàng đầu trong ngành.

Quy mô đào tạo hiện nay gồm: 893 sinh viên đang theo học các khóa, được tiếp cận với một môi trường học tập hiện đại, cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những chuyên gia chất lượng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngoài ra, Khoa Công nghệ thông tin còn đặc biệt chú trọng vào việc tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin và liên tục duy trì mối quan hệ thường xuyên với hơn 20 doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Đây là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động đào tạo và cho thấy sự cam kết của Khoa trong việc tạo điều kiện cho người học tiếp cận và làm việc với thực tế ngành nghề thông qua các chương trình đào tạo theo hình thức hợp tác doanh nghiệp.

Cùng với hoạt động đào tạo, Khoa Công nghệ thông tin cũng rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong thời gian qua, giảng viên trong Khoa đã tích cực tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở và xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Bảng 1. Kết quả hoạt động Nghiên cứu khoa học của Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2023

STT	Hoạt động NCKH	ĐVT	Số lượng
1.	Tham luận tham gia hội thảo trong và ngoài nước	Bài	28
2.	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISI, Scopus	Bài	25
3.	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có chỉ số ISSN	Bài	28
4.	Số đề tài NCKH thực hiện	Đề tài	13
5.	Số giáo trình, tài liệu được nghiệm thu	Cuốn	2
6.	Các hợp đồng chuyển giao cho doanh nghiệp	Hợp đồng	4

Việc mở ngành Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một bước phát triển hợp lý và mang lại nhiều cơ hội cho người học quan tâm đến lĩnh vực này, đồng thời xây dựng thương hiệu của Khoa và Trường trong lĩnh vực giáo dục đào tạo Công nghệ thông tin.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

2.1. Đội ngũ:

2.1.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
1	Đặng Văn Chuyết	034053003094; Việt Nam	PGS, 1986	Tiến sĩ, Pháp, 1986	Tin học	01/04/2021	x	Hưu	40	5	1	2
2	Bùi Trung Hưng	034057007699; Việt Nam	PGS, 2014	Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Triết học	04/07/2017	x	Hưu	31	6		
3	Võ Nhật Vinh	079082012406; Việt Nam		Tiến sĩ, Pháp, 2016	Công nghệ thông tin	02/05/2021	x	0207022952	16			9
4	Nguyễn Thị Minh	186452627; Việt Nam		Tiến sĩ, Pháp, 2017	Khoa học máy tính	02/05/2021	x	0112205764	10	1		10
5	Phạm Đình Lâm	019086002554; Việt Nam		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2021	Khoa học máy tính	01/11/2023	x	1912000773	3		2	36
6	Châu Ngọc Tú	001085010794; Việt Nam		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2019	Kỹ thuật thông tin	01/01/2024	x	0120596126	4			11
7	Phạm Văn Cự	151993648; Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2020	Khoa học thông tin	01/10/2022	x	3421214627	2			3

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
8	Nguyễn Minh Thiện	075089003194; Việt Nam		Tiến sĩ, Philippines, 2020	Giảng dạy Ngôn ngữ Anh	01/03/2014	x	7515066283	11			8
9	Lê Ngọc Dung	038076014995; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	01/11/2007	x	4703032638	13			8
10	Trần Đình Hiếu	230749464; Việt Nam		Tiến sĩ, Anh, 2022	Mạng máy tính và Điện tử viễn thông	01/01/2023	x	7912030534	2			10
11	Lê Thanh Lành	068090004523; Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2020	Kỹ thuật điện và Khoa học máy tính	01/09/2013	x	7513073932	10	1		16
12	Lê Văn Đăng	038086032843; Việt Nam		Tiến sĩ, Thái Lan, 2019	Kỹ thuật và Công nghệ máy tính	02/05/2021	x	3822160418	3			5
13	Nguyễn Minh Tân	075085021282; Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2023	Kỹ thuật điện và Khoa học máy tính	01/10/2011	x	8208000496	12			14

2.1.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo.

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	PGS.TS. Đặng Văn Chuyết	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	(1,1)	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Hệ hỗ trợ quyết định	(2,1)			3		
2	TS. Võ Nhật Vinh	Hệ cơ sở tri thức	(1,1)	3				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Hệ thống thị giác máy tính	(2,1)			3		
3	TS. Nguyễn Thị Minh	Hệ thống thông tin quản lý	(1,1)			3		
		Khoa học quản lý	(2,1)	3				
4	TS. Phạm Đình Lâm	An toàn và bảo mật thông tin	(2,1)			3		
		Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	(2,1)			3		
5	TS. Phạm Văn Cự	Cơ sở dữ liệu nâng cao	(2,1)	3				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phân tích và xử lý dữ liệu lớn	(1,2)			3		
6	TS. Châu Ngọc Tú	Điện toán đám mây nâng cao	(1,2)			3		
		Quản lý dự án Công nghệ thông tin	(1,2)			3		

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
7	PGS.TS. Bùi Trung Hưng	Triết học	(1,1)	3				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
8	TS. Nguyễn Minh Thiện	Tiếng Anh B2	(1,1)	3				
9	TS. Lê Ngọc Dung	Phương pháp nghiên cứu khoa học	(1,1)	3				
10	TS. Trần Đình Hiếu	Công nghệ Blockchain	(2,1)			3		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Cơ sở dữ liệu phân tán	(2,1)			3		
11	TS. Lê Thanh Lành	Công nghệ IOT và ứng dụng	(1,1)			3		
		Xử lý ảnh và video	(2,1)			3		
12	TS. Lê Văn Đăng	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	(2,1)	3				
		Máy học và ứng dụng	(2,1)			3		
13	TS. Nguyễn Minh Tân	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	(2,1)	3				
14	Nhóm giảng viên cơ hữu	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	(1,2)			3		
15	Nhóm giảng viên cơ hữu ngành phù hợp	Chuyên đề khoa học máy tính	(1,2)			3		
16	Nhóm giảng viên cơ hữu	Thực tập tốt nghiệp	(1,2)	6				
17	Nhóm giảng viên cơ hữu ngành phù hợp	Đề án tốt nghiệp	(2,2)	9				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp hướng dẫn đề án

2.1.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Ngọc	Dùng	05/08/1976	Quyền Trưởng khoa	Tiến sĩ	2021	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	
2	Lê Thanh	Lành	15/05/1990	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ	2020	Kỹ thuật điện và Khoa học máy tính	
3	Võ Nhật	Vinh	12/11/1982	Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin	Tiến sĩ	2016	Công nghệ thông tin	
4	Phạm Văn	Cự	27/09/1991	Trưởng Bộ môn Kỹ thuật phần mềm	Tiến sĩ	2020	Khoa học thông tin	

2.2. Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	8.334	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	710	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	260	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37	2.930	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.111	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	93	Các học phần cần sử dụng máy tính, kết nối mạng và âm thanh	Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	1.230		Cả năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.335		Cả năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	39	12.125	Các học phần thực hành	Cả năm	
4	Sân vận động, hồ bơi	2	9982	Các học phần thể dục thể thao	Cả năm	

Phòng thực hành hiện có phục vụ đào tạo ngành Công nghệ thông tin

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng thực hành	3	60m ²	Máy tính bàn + Laptop	165	Thực hành
2	Phòng Công nghệ thông tin và học viện mạng Cisco	1	60m ²	Máy tính, Server, Switch,..	36	Các học phần mạng

2.2.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m²; Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 19
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01

- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế (hoặc dự kiến): 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình phục vụ cho ngành Công nghệ thông tin – Trình độ thạc sĩ

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia sự thật, 2022	1	Triết học	CB80001	(1,1)	
2	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành Triết học)	Bộ GD&ĐT	Đại học Sư phạm, 2018	1	Triết học	CB80001	(1,1)	
3	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và NCS không thuộc chuyên ngành Triết học)	Bộ GD&ĐT	Lý luận Chính trị, 2007	1	Triết học	CB80001	(1,1)	
4	Lịch sử Triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	Hồng Đức, 2020	1	Triết học	CB80001	(1,1)	
5	VSTEP - Chinh Phục Đề Thi VSTEP Bậc Năng Lực Từ B1 Đến C1	Lê Thu Hà	Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2023	1	Tiếng Anh B2	TA80301	(1,1)	
6	Great Answers to Tough Interview Questions: Your Comprehensive Job Search Guide with Over 200 Practice Interview Questions	Martin John Yate	Kogan Page, 2020	1	Tiếng Anh B2	TA80301	(1,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Đức Vũ	NXB Đại học Huế, 2021	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CB80201	(1,1)	
8	The Scientific Method: A Guide to Finding Useful Knowledge	J. Scott Armstrong, Kesten C. Green	Cambridge University Press, 2022	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CB80201	(1,1)	
9	Research Methods, Statistics, and Applications 3E	Kathrynn A. Adams, Eva Kung McGuire	SAGE Publications, 2022	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CB80201	(1,1)	
10	The Message – Passing Interface, Mathematics and Computer Science Division	William Gropp, Tutorial on MPI:	Addison- Wesley, 2023	1	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	TH80102	(1,1)	
11	Introduction to Algorithms 4E	Lior Rokach, Oded Maimon, Erez Shmueli, (eds.)	The MIT Press, 2023	1	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	TH80102	(1,1)	
12	Giáo trình các hệ cơ sở tri thức	Nguyễn Văn Nhon, Nguyễn Đình Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2022	1	Hệ cơ sở tri thức	TH80103	(1,1)	
13	Giáo trình logic mờ & ứng dụng	Lê Xuân Vinh	Trường Đại học Quy Nhon, 2019	1	Hệ cơ sở tri thức	TH80103	(1,1)	
14	Knowledge Based	Kwasi Boyd- Bouldin	Photo Friends Publications, 2022	1	Hệ cơ sở tri thức	TH80103	(1,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
15	Implementing An Information Security Management System: Security Management Based On ISO 27001 Guidelines	Abhishek Chopra, Mukund Chaudhary	Apress, 2020	1	Hệ thống thông tin quản lý	TH81112	(1,1)	
16	Management of Information system	Dinesh Verma	GullyBaba Publishing House Pvt. Ltd., 2021	1	Hệ thống thông tin quản lý	TH81112	(1,1)	
17	Emerging Technologies and the Application of WSN and IoT: Smart Surveillance, Public Security, and Safety Challenges	Shalli Rani	CRC Pressr, 2024	1	Công nghệ IOT và ứng dụng	TH81119	(1,1)	
18	Anomaly Detection and Complex Event Processing Over IoT Data Streams: With Application to eHealth and Patient Data Monitoring	Patrick Schneider, Fatos Xhafa	Academic Press, 2022	1	Công nghệ IOT và ứng dụng	TH81119	(1,1)	
19	SQL Server Advanced Troubleshooting and Performance Tuning: Best Practices and Techniques	Dmitri Korotkevitch	O'Reilly Media, 2022	1	Cơ sở dữ liệu nâng cao	TH80104	(2,1)	
20	SQL Server 2022 Query Performance Tuning: Troubleshoot and Optimize Query Performance 6th ed. Edition	Grant Fritchey	Apress, 2022	1	Cơ sở dữ liệu nâng cao	TH80104	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
21	Perspectives on the Use of New Information and Communication Technology (ICT) in the Modern Economy	Elena G. Popkova, Victoria N. Ostrovskaya	Springer International Publishing, 2019	1	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	TH80105	(2,1)	
22	Futuristic Communication and Network Technologies: Select Proceedings of VICFCNT 2020	A. Sivasubramanian (editor), Prasad N. Shastry (editor), Pua Chang Hong (editor)	Springer, 2021	1	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	TH80105	(2,1)	
23	Computer Networking A Top-Down Approach Seventh Edition	James F. Kurose, Keith W. Ross	Pearson, 2017	1	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	TH80105	(2,1)	
24	Artificial Intelligence: A Modern Approach 4th Edition GE	Stuart Russell (Author), Peter Norvig (Author)	Pearson, 2022	1	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	TH80106	(2,1)	
25	Mathematics for Machine Learning	Marc Peter Deisenroth (Author)	Cambridge University Press , 2020	1	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	TH80106	(2,1)	
26	Database Internals A Deep Dive into How Distributed Data Systems Work	Alex Petrov	O'Reilly Media, 2019	1	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	TH80106	(2,1)	
27	Introduction to management science : a modeling and case	Frederick S. Hillier; Mark S. Hillier	McGraw Hill, 2019	1	Khoa học quản lý	TH80107	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	studies approach with spreadsheets							
28	An Introduction to Management Science Quantitative Approaches to Decision Making	Jeffrey D. Camm; James J. Cochran; Michael J. Fry; Jeffrey W. Ohlmann; David R. Anderson; Dennis J. Sweeney; Thomas A. Williams	Cengage, 2023	1	Khoa học quản lý	TH80107	(2,1)	
29	Fundamentals of Information Systems Security 4th Edition	David Kim, Michael G.Solomon	Jones & Bartlett Learning, 2021	1	An toàn và bảo mật thông tin	TH81114	(2,1)	
30	Computer Security Fundamentals 5E	William (Chuck) Easttom II	Pearson IT Certification, 2023	1	An toàn và bảo mật thông tin	TH81114	(2,1)	
31	Network Security Fundamentals	Gert De Laet, Gert Schauwers	Cisco Press, September, 2004	1	An toàn và bảo mật thông tin	TH81114	(2,1)	
32	Network Security Principles and Practices	Saadat Malik	Cisco Press, 2002	1	An toàn và bảo mật thông tin	TH81114	(2,1)	
33	End-to-End Network Security Defense-in-Depth	Omar Santos	Cisco Press, 2007	1	An toàn và bảo mật thông tin	TH81114	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
34	Hands-on Machine Learning with Scikit-Learn, Keras, and TensorFlow 3e	Aurélien Géron	O'Reilly Media, Inc., 2022	1	Máy học và ứng dụng	TH81110	(2,1)	
35	Machine Learning with PyTorch and Scikit-Learn: Develop machine learning and deep learning models with Python	Sebastian Raschka, Yuxi, (Hayden) Liu, Vahid, Mirjalili	Packt Publishing, 2022	1	Máy học và ứng dụng	TH81110	(2,1)	
36	Transformers for Machine Learning: A Deep Dive	Uday Kamath, Kenneth Graham, Wael Emara	Chapman and Hall/CRC, 2022	1	Máy học và ứng dụng	TH81110	(2,1)	
37	Machine Learning Engineering in Action	Ben Wilson	Manning, 2022	1	Máy học và ứng dụng	TH81110	(2,1)	
38	Fundamentals of database systems 7E GE	Ramez Elmasri, Shamkant B. Navathe	Generic, 2016	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	
39	Database Design and Implementation	Edward Sciore	John Wiley & Sons, Inc, 2020	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	
40	Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support 11th Edition	E. Turban	Pearson, 2019	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	
41	EXPERT SYSTEMS The Technology of Knowledge Management and Decision Making for the 21st Century	Cornelius T. Leondes	ACADEMIC PRESS, 2002	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
42	Decision Support in the Data warehouse	P.Gray, Hugh J. Watson	Pearson, 2008	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	
43	PVM Parallel virtual machine: A users guide and tutorial for network parallel computing	Geist Al, Adam Beguelin, Jack Dongarra	MIT Press, 1994	1	Hệ hỗ trợ quyết định	TH81109	(2,1)	
44	Principles of Distributed Database Systems 4th ed. 2020	M. Tamer Özsu, Patrick Valduriez	Springer, 2020	1	Cơ sở dữ liệu phân tán	TH81108	(2,1)	
45	"Database Internals A Deep Dive into How Distributed Data Systems Work"	Alex Petrov	O'Reilly Media, 2019	1	Cơ sở dữ liệu phân tán	TH81108	(2,1)	
46	Fundamentals of Data Engineering Plan and Build Robust Data Systems	Joe Reis , Matt Housley	O'Reilly Media, 2022	1	Cơ sở dữ liệu phân tán	TH81108	(2,1)	
47	Nhập Môn Cơ Sở Dữ Liệu Phân Tán	TS. Nguyễn Bá Tường	Nhà xuất bản KH và KT, 2005	1	Cơ sở dữ liệu phân tán	TH81108	(2,1)	
48	Machine Learning and Deep Learning in Natural Language Processing	Anitha S. Pillai and Roberto Tedesco	CRC Press, 2024	1	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	TH81116	(2,1)	
49	Transformers for Natural Language Processing and Computer Vision	Denis Rothman	Packt, 2024	1	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	TH81116	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
50	Image Feature Detectors and Descriptors - Foundations and Applications	Ali Ismail Awad and Mahmoud Hassaballah	Springer, 2016	1	Xử lý ảnh và video	TH81117	(2,1)	
51	Machine Learning: A Probabilistic Perspective	Kevin P. Murphy	MIT Press, 2012	1	Xử lý ảnh và video	TH81117	(2,1)	
52	Machine Intelligence. Computer Vision and Natural Language Processing	Pethuru Raj, P. Beulah Soundarabai, D. Peter Augustine	CRC Press, 2024	1	Hệ thống thị giác máy tính	TH81118	(2,1)	
53	Intelligent Systems and Applications in Computer Vision	Nitin Mittal, Amit Kant Pandit, Mohamed Abouhawwash, Shubham Mahajan	CRC Press, 2024	1	Hệ thống thị giác máy tính	TH81118	(2,1)	
54	Mastering Blockchain: Inner workings of blockchain, from cryptography and decentralized identities, to DeFi, NFTs and Web3 4E	Bashir, Imran	Packt Publishing, 2023	1	Công nghệ Blockchain	TH81120	(2,1)	
55	Blockchain in Action	Bina Ramamurthy	Manning Publications, 2020	1	Công nghệ Blockchain	TH81120	(2,1)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
56	Blockchain Essentials: Core Concepts and Implementations	Ramchandra Sharad Mangrulkar, Pallavi Vijay Chavan	Apress, 2024	1	Công nghệ Blockchain	TH81120	(2,1)	
57	Tài liệu hướng dẫn và quy trình thực tập tốt nghiệp, trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	DNTU, 2021	1	Thực tập tốt nghiệp	TH80123	(1,2)	
58	Big data	Viktor Mayer, SchOnberger, Kenneth Cukier	NXB trẻ, 2020	1	Phân tích và xử lý dữ liệu lớn	TH81111	(1,2)	
59	Machine Learning for Data Science Handbook: Data Mining and Knowledge Discovery Handbook, 3rd	Lior Rokach, Oded Maimon, Erez Shmueli, (eds.)	Springer, 2023	1	Phân tích và xử lý dữ liệu lớn	TH81111	(1,2)	
60	Data Science and Machine Learning for Non-Programmers: Using SAS Enterprise Miner	Dothang Truong	Chapman and Hall/CRC, 2024	1	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	TH81115	(1,2)	
61	Data Science for Complex Systems	Anindya S. Chakrabarti, K. Shuvo Bakar, Anirban Chakraborti	Cambridge University Press, 2023	1	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	TH81115	(1,2)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
62	Learning Data Science Data Wrangling, Exploration, Visualization and Modeling with Python	Sam Lau, Deborah Nolan, and Joseph Gonzalez	O'Reilly Media, Inc., 2023	1	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	TH81115	(1,2)	
63	Data Science for Civil Engineering: A Beginner's Guide	Jain, Rakesh K.; Dhotre, Prashant Shantaram; Mane, Deepak Tatyasaheb; Mahalle, Parikshit Narendra	Taylor & Francis Group, 2023	1	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	TH81115	(1,2)	
64	Advanced Mathematical Applications in Data Science	Biswadip Basu Mallik, Kirti Verma, Rahul Kar, Ashok Kumar Shaw	Bentham Science Publishers, 2023	1	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	TH81115	(1,2)	
65	A guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide) 7th Edition and The Standard for Project Management	PMBOK	Project Management Institute, 2021	1	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	TH81113	(1,2)	
66	The Standard for Program Management, Fifth Edition	Global Standard	Project Management Institute, 2024	1	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	TH81113	(1,2)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
67	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	Viện CNTT	Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2018	1	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	TH81113	(1,2)	
68	Cloud-based Multi-Modal Information Analytics: A Hands- on Approach (Chapman & Hall/CRC Cloud Computing for Society 5.0)	Srinidhi Hiriyannaiah, Siddesh G M, Srinivasa K G	Chapman and Hall/CRC, 2023	1	Điện toán đám mây nâng cao	TH81121	(1,2)	
69	Hybridization of Blockchain and Cloud Computing: Overcoming Security Issues in IoT	M. Lawanya Shri (editor), E. Gangadevi (editor), K. Santhi (editor), Chiranjil Lal Chowdhary (editor)	Apple Academic Press, 2023	1	Điện toán đám mây nâng cao	TH81121	(1,2)	
70	Advanced Computer Science Applications. Recent Trends in AI, Machine Learning, and Network Security	Author(s): Karan Singh, Latha Banda, Manisha Manjul	Apple Academic Press Inc., 2024	1	Chuyên đề khoa học máy tính	TH81122	(1,2)	
71	Principles of Computer Science: An Invigorating, Hands-on Approach	Joshua Crotts	J. Ross Publishing, 2023	1	Chuyên đề khoa học máy tính	TH81122	(1,2)	
72	Computer Science Education: Perspectives on Teaching and Learning in School	Sue Sentance, Erik Barendsen, Nicol R.	Bloomsbury Academic, 2023	1	Chuyên đề khoa học máy tính	TH81122	(1,2)	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Howard, Carsten Schulte						
73	Category Theory. Invariances and Symmetries in Computer Science	Zoran Majkić	De Gruyter, 2023	1	Chuyên đề khoa học máy tính	TH81122	(1,2)	
74	Logic and Language Models for Computer Science	Dana Richards, Henry Hamburger	World Scientific Publishing, 2023	1	Chuyên đề khoa học máy tính	TH81122	(1,2)	
75	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. (Điều 47, 48 và 49 của Quy chế).	Ban hành kèm theo Quyết định Số: 250/QĐ- ĐHCNĐN-SĐH	DNTU, 2021	1	Đề án tốt nghiệp	TH80124	(2,2)	

2.2.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
1	Phòng thực hành	Việt nam	165	Máy tính + Laptop	Tất cả các học phần	Liên tục	01 người/ 01 máy	
2	Phòng Công nghệ thông tin và học viện mạng Cisco	Việt nam	36	Máy tính	Tất cả các học phần	Liên tục	01 người/ 01 máy	

2.2.4. Công nghệ học liệu

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

- Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (*kho tài liệu môn học*), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

- *Về nguồn tài liệu*: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

- *Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com)*: với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

- *Hợp tác liên thư viện*: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

- *Phần mềm quản lý*: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên

mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Chính sách nghiên cứu khoa học của Trường hỗ trợ tối đa cho việc đào tạo các nhà khoa học trẻ từ giảng đường, hướng tới những nghiên cứu ứng dụng liên ngành có giá trị thiết thực. Trường mong muốn hướng tới việc tạo ra một môi trường nghiên cứu tiên tiến, phát triển, và thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học tại khắp nơi trên thế giới đồng thời xây dựng lòng yêu mến khoa học công nghệ trong thế hệ trẻ của đất nước. Hơn 20% các công bố quốc tế có sự tham gia của sinh viên, chương trình nghiên cứu ngắn hạn kết hợp với các trường đại học quốc tế thuộc các nhóm ngành công nghệ phát triển và nhóm ngành kinh tế, quản trị thu hút được quan tâm của nhiều doanh nghiệp.

2.3.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
1	DT-235-2020	Cấp Bộ	Xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở tại tỉnh Đắk Lắk	Bùi Trung Hưng	Theo quyết định	6/2020	2020	
2	B2004 BK 28-127	Cấp Bộ	Nghiên cứu phương pháp thiết kế mạng cung cấp dịch vụ đa phương tiện trong các hệ thống E-learning"	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	7/2005	2005	
3	KC 01.05/06-10	Cấp Bộ	Nghiên cứu, phát triển hệ thống thông tin phục vụ giáo dục và y tế cộng đồng	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	6/2007	2007	
4	KC 01.09	Cấp Bộ	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật tương tác người máy và hệ thống tiên tiến	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	9/2003	2003	
5	KHCB 2.2.8	Cấp Bộ	Nghiên cứu về cơ sở lý thuyết và ứng dụng cho các hệ phân tán thời gian thực	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	2/2000	2000	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
6	KC 01-13	Cấp Bộ	Cải tiến chương trình đào tạo	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	4/1995	1995	
7	KC 01-07	Cấp Bộ	Nghiên cứu một số vấn đề KHCN để phục vụ chương trình khoa học CNTT	Đặng Văn Chuyết	Theo quyết định	3/1998	1998	
8	TN1.2016	Cấp trường	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang	Phạm Đình Lâm	Theo quyết định	7/2016	2016	
9	TN2.2018	Cấp trường	Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây quản lý trực tuyến hoạt động du lịch tỉnh Thái Nguyên	Phạm Đình Lâm	Theo quyết định	7/2018	2018	

2.3.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố).

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyen, T.N., Minh, B.V., Tran, D.H., Le, T.L., Le, A.T., Nguyen, Q.S. and Lee, B.M., 2023. Security–Reliability Analysis of AF Full-Duplex Relay Networks Using Self-Energy Recycling and Deep Neural Networks. <i>Sensors</i> , 23(17), p.7618.	
2.	Le, A.T., Tran, D.H., Le, C.B., Tin, P.T., Nguyen, T.N., Ding, Z., Poor, H.V. and Voznak, M., 2023. Power Beacon and NOMA-Assisted Cooperative IoT Networks With Co-Channel Interference: Performance Analysis and Deep Learning Evaluation. <i>IEEE Transactions on Mobile Computing</i> .	
3.	Vo, D.T., Van Chien, T., Nguyen, T.N., Tran, D.H., Voznak, M., Kim, B.S. and Tu, L.T., 2023. SWIPT-Enabled Cooperative Wireless IoT Networks With Friendly Jammer and Eavesdropper: Outage and Intercept Probability Analysis. <i>IEEE Access</i> .	
4.	Nguyen, T.N., Tran, D.H., Van Chien, T., Phan, V.D., Nguyen, N.T., Voznak, M., Chatzinotas, S., Ottersten, B. and Poor, H.V., 2022. Physical Layer Security in AF-Based Cooperative SWIPT Sensor Networks. <i>IEEE Sensors Journal</i> , 23(1), pp.689-705.	
5.	Nguyen, T.N., Tran, D.H., Van Chien, T., Phan, V.D., Voznak, M. and Chatzinotas, S., 2022. Security and reliability analysis of satellite-terrestrial multirelay networks with imperfect CSI. <i>IEEE Systems Journal</i> .	
6.	Nguyen, T.N., Tran, D.H., Van Chien, T., Phan, V.D., Voznak, M., Tin, P.T., Chatzinotas, S., Ng, D.W.K. and Poor, H.V., 2022. Security–reliability tradeoff analysis for SWIPT-and AF-based IoT networks with friendly jammers. <i>IEEE Internet of Things Journal</i> , 9(21), pp.21662-21675.	
7.	Nguyen, T.N., Tran, D.H., Phan, V.D., Voznak, M., Chatzinotas, S., Ottersten, B. and Poor, H.V., 2021. Throughput enhancement in FD-and SWIPT-enabled IoT networks over nonidentical Rayleigh fading channels. <i>IEEE Internet of Things Journal</i> , 9(12), pp.10172-10186.	
8.	Tin, P.T., Nguyen, T.N., Tran, D.H., Voznak, M., Phan, V.D. and Chatzinotas, S., 2021. Performance enhancement for full-duplex relaying with time-switching-based SWIPT in wireless sensors networks. <i>Sensors</i> , 21(11), p.3847.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
9.	Dinh Tran, H., Trung Tran, D. and Choi, S.G., 2018. Secrecy performance of a generalized partial relay selection protocol in underlay cognitive networks. International Journal of Communication Systems, 31(17), p.e3806.	
10. 11.	Hieu, T.D., Duy, T.T. and Kim, B.S., 2018. Performance enhancement for multihop harvest-to-transmit WSNs with path-selection methods in presence of eavesdroppers and hardware noises. IEEE Sensors Journal, 18(12), pp.5173-5186.	
12.	Tuan Minh Pham, Thi Minh Nguyen, Function traffic-aware VNF migration for service restoration in an NFV-enabled IoT system <u>ICT Express</u> , 2023	
13.	Tuan Minh Pham, Thi Minh Nguyen, <u>Fast Resource Allocation for Resilient Service Coordination in an NFV-Enabled Internet-of-Things System</u> REV Journal on Electronics and Communications 12 (3-4), 81-90, 2023	
14.	Tuan Minh Pham, Thi Minh Nguyen, Xuan-Tuan-Trung Nguyen, Hoai Nam Chu, Ngo Hong Son, <u>Fast Optimal Resource Allocation for Resilient Service Coordination in an NFV-Enabled Internet-of-Things</u> 2022 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), 2022, IEEE, 141-146	
15.	Tuan Minh Pham, Thi Minh Nguyen, <u>Optimizing Traffic Engineering for Resilient Services in NFV-Based Connected Autonomous Vehicles</u> Sensors 21 (24), 8446, 2021	
16.	T. Nguyen, A. Girard, C. Rosenberg and S. Fdida, "Routing via Functions in Virtual Networks: The Curse of Choices," in IEEE/ACM Transactions on Networking, page(s): 1 - 14, May 2019.	
17.	Dinh-Lam Pham et al. A Temporal Work Transference Event Log Trace Classification Algorithm and Its Experimental Analysis 2019 21st International Conference on Advanced Communication Technology (ICACT) 692-696 2019 IEEE	
18.	Dinh-Lam Pham et al. Discovering Temporal Work Transference Networks from Workflow Execution Logs Journal of Internet Computing and Services 20 2 101-108 2019 Korean Society for Internet Information	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
19.	Ahn, Hyun; Pham, Dinh-Lam; Kim, Kwanghoon Pio; An experimental analytics on discovering work transference networks from workflow enactment event logs Applied Sciences 9 11 2368 2019 MDPI	
20.	Dinh-Lam Pham et al. Discovering redo-activities and performers' involvements from XES-formatted workflow process enactment event logs KSII Transactions on Internet and Information Systems (TIIS) 13 8 4108-4122 2019 Korean Society for Internet Information	
21.	Dinh-Lam Pham et al. A Proportional Process Mining System. ICDM 58 2019	
22.	Dinh-Lam Pham et al. An Approach for Discovering Affiliation Network from XES Formatted Workflow Log 2019 6th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS) 336-341 2019 IEEE	
23.	Dinh-Lam Pham et al. Represent The Discovered Proportional Information Control Net Using Extended XPDL Format 2020 22nd International Conference on Advanced Communication Technology (ICACT) 640-643 2020 IEEE	
24.	Dinh-Lam Pham et al. Process-aware enterprise social network prediction and experiment using LSTM neural network models IEEE Access 9 57922-57940 2021 IEEE	
25.	Kim, Kyoung-Sook; Pham, Dinh-Lam; Kim, Kwanghoon Pio; ρ -Algorithm: A SICN-Oriented Process Mining Framework IEEE Access 9 139852-139875 2021 IEEE	
26.	Dinh-Lam Pham et al. A Deep Learning-based Video Management System for Privacy-Preserving CCTV Video Data over The Web Environment The 17th Asia Pacific International Conference on Information Science and Technology 296-298 2022	
27.	Dinh-Lam Pham et al. An Architecture for Deep Learning-based Predictive Process Mining System The 14th International Conference on Internet - ICONI 2022 38-40 2022	
28.	Young-In Park, Sangeun Ahn, Dinh-Lam Pham, Kyung-Hee Sun, Kyoung-Sook Kim, Kwanghoon Pio Kim; A Deep-Learning-Driven Video-Objects Contextualization System The 13th International Conference on Internet (ICONI 2021) 36-38 2021	
29.	Dinh-Lam Pham et al. A YOLO-based real-time packaging defect detection system Procedia Computer Science 217 886-894 2023 Elsevier	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
30.	Dinh-Lam Pham et al. A Deep Learning-Based Real-Time Video Object Contextualizing and Archiving System 2023 25th International Conference on Advanced Communication Technology (ICACT) 137-144 2023 IEEE	
31.	Vu, Viet-Vu; Yoon, Byeongnam; Pham, Dinh-Lam; Do, Hong-Quan; Nguyen, Hai-Minh; Dao, Tran-Chung; Tran, Doan-Vinh; Vu, Viet-Thang; Density peak clustering evaluation 2023 25th International Conference on Advanced Communication Technology (ICACT) 126-129 2023 IEEE	
32.	Dinh-Lam Pham et al. A Real-time Crowd Density Level Detection System International Conference on Advances in Information and Communication Technology 107-113 2023 Springer Nature Switzerland Cham	
33.	Van Dang, L., & Makhanov, S. (2021). Enhanced vector flow of significant directions for five-axis machining of STL surfaces. International Journal of Production Research, 59(12), 3664-3695.	
34.	Dang, L. V., Vacharanukul, K., & Makhanov, S. S. (2019). Compact radial zigzag for five-axis machining of STL surfaces. The International Journal of Advanced Manufacturing Technology, 105, 1853-1882.	
35.	Kudabalage, A. E., Van Dang, L., & Makhanov, S. (2020). Postprocessor for five-axis machining of STL surfaces based on Nagata interpolation and optimization of rotation angles. International Journal of Computer Integrated Manufacturing, 33(8), 792-809.	
36.	Damien Geslin, Alban Lepailleur, Nhat-Vinh Vo, Jean-Luc Lamotte, Bertrand Cuissart, Ronan Bureau (2022). Deciphering a Pharmacophore Network: A Case Study Using BCR-ABL Data. Journal of Chemical Information and Modeling	
37.	Automated Data Model Generation from Textual Specifications: A Case Study of ECHONET Lite Specification, VC Pham, NTD Linh, T Le, TH Nguyen, Y Tan - IEEE Access, 2023	
38.	Bridging the ECHONET Lite Protocol and the W3C Web of Things for Smart Homes in Japan, VC Pham, T Xin, M Sioutis, Y Tan - 2022 IEEE 11th Global Conference on Consumer Electronic, 2022	
39.	Web of Tactile Things: Towards an Open and Standardized Platform for Tactile Things, VC Pham, QK Luu, TT Nguyen, NH Nguyen, Y Tan - International Conference on Advanced Information Systems Engineering, 2022	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
40.	Le, L. T. (2019). Enhancement of ECE SuperPin Curved Reflex Reflector by the Use of Double Pins with Corner Cubes. Appl. Sci..	
41.	Le, L. T. (2020). Design of Low-Glared LED Rear Light of Automotive for EU ECE Regulation by Use of Optimized Micro-Prisms Array. Crystals.	
42.	Le, L. T. (2020). ECE/SAE Dual Functional SuperPin Plus Curved Reflex Reflector by Use of New Structured Corner Cubes. Applied Sciences.	
43.	Le, L. T. (2020). Low-Glare Freeform-Surfaced Street Light Luminaire Optimization to Meet Enhanced Road Lighting Standards. International Journal of Optics.	
44.	Le, L. T. (2021). Study of Blended Learning in Higher Education and the Role of Social Media Applications With Special Reference to Vietnam. In Handbook of Research on Analyzing IT Opportunities for Inclusive Digital Learning.	
45.	Le, L. T. (2020). Design of Counter Beam Tunnel Lights for CIE 88: 2004 Regulation in Threshold Zone. International Journal of Optics.	
46.	Le, L. T. (2022). Hybrid robot hand for stably manipulating one group objects. Archive of Mechanical Engineering.	
47.	Le, L. T. (2022). Study of EU ECE Light Shaping Diffuser with high efficiency and uniformity for automobiles. Optik.	
48.	Le, L. T. (2023). Fast finite-time backstepping controller for a quadrotor UAV under state constraints. Vietnam J. Sci. Technol..	
49.	Le, L. T. (2023). Application of phase change materials in improving the performance of refrigeration systems. Sustainable Energy Technologies and Assessments.	
50.	Le, L. T. (2023). Security–Reliability Analysis of AF Full-Duplex Relay Networks Using Self-Energy Recycling and Deep Neural Networks. Sensors.	
51.	Dung, L. N. (2023). Designing a Fuzzy Controller for Wall-Following Mobile Robot. American Journal of Sciences and Engineering Research.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
52.	Dung, L. N. (2023). Optimizing Dashboard Control in Mobile Robot Control. American Journal of Sciences and Engineering Research.	
53.	Dung, L. N. (2022). Applying AES algorithm for secure data transmission between Sensor node and LoRa Gateway to Web Server. Journal of Mining and Earth Sciences.	
54.	Dung, L. N. (2021). Mission, challenges, and prospects of renewable energy development in Vietnam. Energy Sources, Part A: Recovery, Utilization, and Environmental Effects.	
55.	Dung, L. N. (2021). Optimize PID Controller Parameters Using Particle Swarm Optimization in Inverted Pendulum Control. International Journal of Research in Engineering, Science and Management.	
56.	Dung, L. N. (2021). Application Of Neural Network and Fuzzy Logic System, Optimal Control Combination To Design Vibration Damping Drill Press Force Controller For CBIII-250T Rotary Drilling Machine. International Journal of Progressive Sciences and Technologies (IJPSAT).	
57.	Dung, L. N. (2021). Applied neural networks and fuzzy logic to control the speed to reduce vibration on the CBIII-250t. International Research Journal of Modernization in Engineering Technology and Science.	
58.	Dung, L. N. (2020). Nghiên cứu thiết kế và xây dựng bộ điều khiển bù mờ để điều khiển hợp lý tốc độ quay và lực ấn ty khoan nhằm giảm rung động trên máy khoan xoay cầu CBIII-250T. Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc Khoa học trái đất và tài nguyên với phát triển bền vững, nhà xuất bản giao thông vận tải, Hà Nội.	
59.	Dung, L. N. (2020). Nghiên cứu xây dựng bộ điều khiển PID cho van tiết lưu điện – thủy lực trong hệ điều khiển lực ấn ty máy khoan xoay cầu CBIII–250T. Tạp chí Công nghiệp mỏ.	
60.	Dung, L. N. (2020). Application of fuzzy-logic to design fuzzy compensation controller for speed control system to reduce vibration of CBIII-250T drilling machine in mining industry. Journal of Mining and Earth Sciences.	
61.	Dung, L. N. (2019). Ứng dụng Simulink Matlab để nghiên cứu động lực học kênh quay ty trên máy khoan xoay cầu CBIII–250T. Tạp chí Công nghiệp mỏ.	
62.	Tan, N. M. (2024). Low Profile Planar Inverted-L Antenna (PILA) for UHF RFID on Metal-Tag. Asia-Pacific Microwave Conference 2023, Taipei, Taiwan.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
63.	Tan, N. M. (2023). Low-Profile Wideband Miniaturized Tag Antenna Mounted on the Human Body. International Journal of Microwave and Wireless Technologies, Cambridge University Press, United Kingdom.	
64.	Tan, N. M. (2023). A Miniaturized UHF RFID Tag Antenna Attached to a Container of Filled Liquid. IEEE WAMICON 2023, Melbourne, Florida, United States.	
65.	Tan, N. M. (2022). Miniature 3D-Dipole Antenna for UHF RFID Tag Mounted on Conductive Materials. IEEE Transactions on Antennas and Propagation, United States.	
66.	Tan, N. M. (2021). Shorted Patch Antenna With Multi Slots for a UHF RFID Tag Attached to a Metallic Object. IEEE Access, United States.	
67.	Tan, N. M. (2021). Compact shorted C-shaped patch antenna for ultrahigh frequency radio frequency identification tags mounted on a metallic plate. International Journal of RF and Microwave Computer-Aided Engineering Journal, Wiley, United States.	
68.	Tan, N. M. (2022). Miniature RFID Tag Antenna With Low Profile And Wideband For Human Healthcare Monitor. IEEE International Symposium on Antennas and Propagation and USNC-URSI Radio Science Meeting, Denver, United States.	
69.	Tan, N. M. (2021). Small 3D-Dipole Antenna for RFID Tag Mounted on a Full Container of Water. IEEE International Symposium on Antennas and Propagation and USNC-URSI Radio Science Meeting, Marina Bay Sands, Singapore.	
70.	Tan, N. M. (2021). Shorted Four-Element Patch Antenna with High Directivity and Wideband for Small Metal-Tag. IEEE International Symposium on Antennas and Propagation, Taiwan.	
71.	Tan, N. M. (2021). An IC Shaped Via-Patch Antenna with High Directivity and Wideband for RFID Tag Mounted on Metallic Surface. International Applied Computational Electromagnetics Society Symposium, Montreal, Canada.	
72.	Tan, N. M. (2021). Design of MIMO Antennas for WiFi/5G Small Cell Applications. International Symposium on Antennas and Propagation, Taiwan.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
73.	Tan, N. M. (2020). Shorted Patch Antenna with Tuning Slit for RFID Tag Mounted on Metallic Plane. International Workshop on Electromagnetics: Applications and Student Innovation Competition (IEEE iWEM), Taiwan.	
74.	Tan, N. M. (2020). Compact Shorted C-Shaped Patch Antenna for UHF RFID Tag Mounted on Metallic Objects. International Workshop on Electromagnetics: Applications and Student Innovation Competition (IEEE iWEM), Taiwan.	
75.	Tan, N. M. (2020). An Inverted-F Antenna for RFID Tag Mounted on a Full Container of Liquid. IEEE International Symposium on Antennas and Propagation and North American Radio Science Meeting, Hamilton, Canada.	
76.	Tan, N. M. (2020). Wavelet Transform Application Based on Matlab Simulation. VNU Journal of Science: Mathematics – Physics.	
77.	Tan, N. M. (2024). Low Profile Planar Inverted-L Antenna (PILA) for UHF RFID on Metal-Tag. Asia-Pacific Microwave Conference 2023, Taipei, Taiwan.	
78.	Chau Ngoc Tu. (2023). The Trade-Off Between Performance and Security of Virtualized Trusted Execution Environment on Android. Computer Systems Science and Engineering.	
79.	Chau Ngoc Tu. (2021). AppPACK: A Packaging Model for Single-Purpose Lightweight Virtualization Environment. IEEE Access.	
80.	Chau Ngoc Tu. (2020). Virtualization Technologies in the Android Framework and Compatibility with SEAndroid. In Information Security Applications (pp. 167-178).	
81.	Chau Ngoc Tu. (2020). Enhancing Notation-Based Code Cloning Method With an External-Based Identifier Model. IEEE Access.	
82.	Chau Ngoc Tu. (2020). A-Pot: A Comprehensive Android Analysis Platform Based on Container Technology. IEEE Access.	
83.	Nguyen Minh Thien. (2023). Cross Cultural Awareness and teaching English as a foreign language in a globalized context. Hội thảo Quốc gia, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên và Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
84.	Nguyen Minh Thien. (2021). Factors affecting English Capacity of non-English students at Dong Nai Technology University. International Journal of Research in Engineering, Science and Management, 4(6). ISSN: 2581-5792.	
85.	Nguyen Minh Thien. (2021). Using summarizing techniques to integrate writing into reading lessons for EFL students. International Journal of Progressive Sciences and Technologies, 26(2). ISSN: 2509-0119.	
86.	Nguyen Minh Thien. (2021). The Impacts of Storytelling on Secondary School Students' Speaking Ability. International Journal of Research in Engineering, Science and Management, 4(3). ISSN: 2581-5792.	
87.	Nguyen Minh Thien. (2020). The Practical Perceptions of Vietnamese Lecturers and Students towards Written Peer Feedback. Canadian Center of Science and Education, 10(6). ISSN: 1923-8703.	
88.	Nguyen Minh Thien. (2020). The Effects of the Process Approach on High School Students' Writing Performances. International Journal of English Linguistics, 10(2). ISSN: 1923-869X.	
89.	Nguyen Minh Thien. (2020). The incorporation of qualified peer feedback into writing revision. The Asian Journal of Applied Linguistics, 7(1). ISSN: 2308-6262.	
90.	Nguyen Minh Thien. (2020). Bàn về mô hình ứng dụng trong xây dựng vùng du lịch văn hoá sinh thái tại Tây Nguyên hiện nay. Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên, 1(37). ISSN: 1859-4042.	
91.	Nguyen Minh Thien. (2019). The Effects of Using Games on EFL Students' Speaking Performances. International Journal of English Linguistics, 10(1). ISSN: 1923-869X.	
92.	Bùi Trung Hưng (2023), 'Đẩy mạnh kinh tế HTX trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên: Vấn đề và định hướng giải pháp', <i>Tạp chí KHXH Tây Nguyên</i> . ISSN:1859-4042.	
93.	Bùi Trung Hưng (2023), 'Nhận diện và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên', <i>Tạp chí KHXH Tây Nguyên</i> . ISSN:1859-4042.	
94.	Bùi Trung Hưng, Phan Ngọc Sơn (2021), 'Trường đại học Công nghệ Đồng Nai: Tiến trình vượt khó khăn để trở thành trường đại học số', <i>Đại dịch Covid19 và chuyển đổi số ở VN, Hội thảo khoa học quốc gia, Viện hàn lâm KHXHVN</i> .	
95.	Bùi Trung Hưng (2021), 'Đẩy mạnh kinh tế hộ gia đình - Hướng đi cần ưu tiên để phát triển kinh tế tư nhân tại Tây nguyên thời gian tới', <i>Tạp chí KHXH Tây Nguyên</i> . ISSN:1859-4042.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
96.	Bùi Trung Hưng (2020), 'Bàn về mô hình ứng dụng trong xây dựng Vùng du lịch văn hóa sinh thái tại Tây Nguyên hiện nay', <i>Tạp chí KHXH Tây Nguyên</i> . ISSN:1859-4042	
97.	Bùi Trung Hưng (2018), 'Vận dụng triết lý vô ngôn – hành động của Bác Hồ trong triển khai “học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”', <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang</i> . ISSN: 0866-8086.	

2.4. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

2.5. Hợp tác doanh nghiệp

Đến tháng 5 năm 2024, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã duy trì và triển khai hoạt động kết nối doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, đồng thời mời các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn kiểm định các chương trình đào tạo, đảm bảo 100% cho tất các sinh viên đi kiến tập, thực tập đáp ứng đúng tiến độ đào tạo của Nhà trường. Nhà trường hợp tác với hơn 600 doanh nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp với khách mời là những doanh nhân thành công, phối hợp với doanh nghiệp huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên tham gia.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Xây dựng CTĐT

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức đại cương là 9 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 36 tín chỉ, Thực tập tốt nghiệp và Đề án tốt nghiệp 15 tín chỉ, đào tạo trong vòng 2 năm. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ thạc sĩ được xây dựng căn cứ theo:

- Luật 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội về việc ban hành Luật giáo dục đại học và Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số 335/QĐ-ĐHCNĐN ngày 10/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học trong và ngoài nước:

Trong nước: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Trường Đại học Công nghệ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngoài nước: Monash university và The Australian National University của Australia.

3.2. Thẩm định CTĐT:

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 30/3/2024.

3.3. Điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu, địa điểm đào tạo:

Điều kiện tuyển sinh : Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- Thí sinh đã tốt nghiệp, hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (*hoặc trình độ tương đương trở lên*) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển hoặc đã hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định của trường. Trường hợp văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp, phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định.
- Điều kiện ngoại ngữ: có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và không trong thời gian thi hành án hình sự.

Vùng tuyển sinh: cả nước.

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: Tuyển sinh khóa đầu tiên từ 15 - 20 học viên và tăng dần từ 20% - 30% học viên cho 4 khóa tiếp theo.

Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Địa chỉ: Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

3.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Năng Lực	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung CDR của CTĐT	Nội dung PI
Kiến thức chung	PLO1	Vận dụng (Apply) được thể giới quan, phương pháp luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.	PI1.1. Vận dụng (Apply) được thể giới quan, phương pháp luận triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. PI1.2. Vận dụng (Apply) phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn.
	PLO2	Xây dựng (Build) được kế hoạch để tổ chức, điều hành và quản lý các dự án CNTT.	PI2.1. Vận dụng (Apply) được kiến thức khoa học quản lý và quản trị trong xây dựng kế hoạch thực hiện dự án CNTT. PI2.2. Xây dựng (Build) được kế hoạch để triển khai, điều hành và quản lý hiệu quả dự án CNTT.
Kiến thức chuyên môn	PLO3	Đánh giá (Evaluate) được mức độ bảo mật và an toàn hệ thống công nghệ thông tin, để phát triển, vận hành hệ thống một cách an toàn và hiệu quả bằng các công nghệ mới.	PI3.1. Vận dụng (Apply) trí tuệ nhân tạo và khả năng phân tích của máy học để đánh giá được mức độ bảo mật và an toàn hệ thống CNTT. PI3.2. Phân tích (Analyse) dữ liệu và vận dụng các dữ liệu lớn để đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống CNTT. PI3.3. Đánh giá (Evaluate) được mức độ bảo mật và an toàn thông tin để phát triển, vận hành hệ thống công nghệ thông tin một cách hiệu quả.
Kỹ năng chung	PLO4	Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.	PI4.1. Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.

Năng Lực	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung CDR của CTĐT	Nội dung PI
			PI4.2. Sử dụng thành thạo (Perfect) các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu.
Kỹ năng chuyên môn	PLO5	Đề xuất (Propose) các giải pháp hệ thống để đánh giá, cải tiến, quản lý các dự án công nghệ thông tin hiệu quả.	PI5.1. Xây dựng (Build) các giải pháp kỹ thuật để quản lý, vận hành đảm bảo an ninh, an toàn cho các hệ thống thông tin, khắc phục các sự cố phức tạp. PI5.2. Đánh giá (Evaluate) về mối liên hệ mật thiết giữa giải pháp công nghệ thông tin với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa; PI5.3. Đề xuất (Propose) giải pháp kỹ thuật và công nghệ cho các hệ thống, sản phẩm Công nghệ thông tin.
	PLO6	Thiết kế (Design) các dự án CNTT đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với nền kinh tế thị trường đa dạng.	PI6.1. Thể hiện (Demonstrate) thành thạo khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức. PI6.2. Đánh giá (Evaluate) được các yêu cầu của hệ thống và các yếu tố tác động của kinh tế, môi trường, xã hội đối với hệ thống CNTT. PI6.3. Thiết kế (Design) hệ thống CNTT đáp ứng các yêu cầu thực tiễn và thích ứng với nền kinh tế thị trường đa dạng.
Thái độ/Tự chủ và chịu trách nhiệm	PLO7	Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền	PI7.1. Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa. PI7.2. Hình thành (Perform) ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng

Năng Lực	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung CDR của CTĐT	Nội dung PI
		cảm hứng trong nghề nghiệp.	và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

3.5. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	CB80001	Triết học	3	45	45				BB			
2	1	TA80301	Tiếng Anh B2	3	45	45				BB			
3	1	CB80201	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	45				BB			
4	1	TH80102	Phân tích và thiết kế giải thuật nâng cao	3	60	30	30			BB			
5	1	TH80103	Hệ cơ sở tri thức	3	60	30	30			BB			
6	1	TH81112	Hệ thống thông tin quản lý	3	60	30	30			TC			
7	1	TH81119	Công nghệ IOT và ứng dụng	3	60	30	30			TC			
8	2	TH80104	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	60	30	30			BB			
9	2	TH80105	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	3	60	30	30			BB			
10	2	TH80106	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	60	30	30			BB			TH80103
11	2	TH80107	Khoa học quản lý	3	60	30	30			BB			
12	2	TH81114	An toàn và bảo mật thông tin	3	60	30	30			TC			
13	2	TH81110	Máy học và ứng dụng	3	60	30	30			TC			
14	2	TH81109	Hệ hỗ trợ quyết định	3	60	30	30			TC			

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
15	2	TH81108	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	60	30	30			TC			TH80104
16	2	TH81116	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	30	30			TC			
17	2	TH81117	Xử lý ảnh và video	3	60	30	30			TC			
18	2	TH81118	Hệ thống thị giác máy tính	3	60	30	30			TC			
19	2	TH81120	Công nghệ Blockchain	3	45	45				TC			
20	3	TH80123	Thực tập tốt nghiệp	6	180		180			BB	TH80101		
21	3	TH81111	Phân tích và xử lý dữ liệu lớn	3	60	30	30			TC			TH80104
22	3	TH81115	Chuyên đề Khoa học dữ liệu	3	60	30	30			TC			
23	3	TH81113	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	3	60	30	30			TC			
24	3	TH81121	Điện toán đám mây nâng cao	3	60	30	30			TC			
25	3	TH81122	Chuyên đề khoa học máy tính	3	60	30	30			TC			
26	4	TH80124	Đề án tốt nghiệp	9	270		270			BB	TH80123		

4. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và Đào tạo:

Đề án đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường thông qua (*Biên bản kèm theo tại phụ lục của Đề án*)

5. Kế hoạch mua sắm Trang thiết bị, Giáo trình phục vụ ngành đào tạo:

Để phục vụ tốt công tác đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin. Ngoài diện tích phòng học, phòng thí nghiệm, tài liệu, trang thiết bị máy móc đã đưa vào sử dụng trước đây Khoa cũng đang tiến hành đề xuất kế hoạch xây dựng phòng Lab với cấu hình máy vi tính đủ mạnh (Bộ xử lý AIU - tốc độ xử lý nhanh hơn CPU) cùng các thiết bị ngoại vi dùng kết nối, điều khiển như Bộ Thực hành ESP32 IoT và tùy theo từng lĩnh vực như Nhà thông minh, Thành phố thông minh, Nông nghiệp thông minh... để triển khai phục vụ cho các học phần Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ IOT và ứng dụng, Máy học và ứng dụng, ... Đồng thời Khoa cũng đề xuất hàng năm mua các giáo trình cập nhật công nghệ mới, tiên tiến vào phục vụ giảng dạy và học tập của người học cũng như tích cực trong hợp tác quốc tế để chia sẻ nguồn tài liệu từ các thư viện của các trường uy tín trên thế giới phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu của DNTU.

6. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo:

Hiện nay trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đang có nhiều chính sách ưu tiên, đãi ngộ trong việc tuyển dụng nhân sự, đặc biệt đối với những giảng viên có kinh nghiệm, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, có học hàm, học vị từ thạc sĩ trở lên. Do vậy nguồn lực giảng viên, chuyên viên cao cấp sẽ được bổ sung cho Khoa Công nghệ thông tin, để ngày một nâng cao chất lượng đào tạo.

Đồng thời Khoa CNTT cũng chủ động hợp tác và trao đổi học thuật với các cá nhân, tổ chức, cơ sở đào tạo về lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin từ các nước như: Hàn Quốc, Canada, Nhật, Đài Loan... đó là những nước có chương trình đào tạo chất lượng và đi đầu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, uy tín trong khu vực và trên thế giới, bằng nhiều hình thức và cấp độ khác nhau như: Hội thảo khoa học, trao đổi chương trình, hỗ trợ giảng viên, hợp tác dự án, Workshop, trải nghiệm thực tiễn.

Hàng năm, Khoa tiến hành đánh giá năng lực đội ngũ giảng viên về số lượng, chất lượng, quy mô đào tạo để làm căn cứ đề xuất tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn.

Dự kiến từ nay đến năm 2025 khoa sẽ cử ít nhất 02 giảng viên đi đào tạo tiến sĩ, tuyển dụng thêm từ 01 đến 03 giảng viên có trình độ TS, PGS.TS giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, phục vụ cho công tác giảng dạy đại học và sau đại học, nâng tổng số giảng viên cơ hữu của khoa có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ khoảng 30% – 40%, nhằm chủ động nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đào tạo của khoa.

7. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Trải qua sau đại dịch Covid 19 và 18 năm tổ chức đào tạo với những kinh nghiệm có được, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã rút ra được những bài học để dự báo, giải

quyết những rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo cũng như đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo cụ thể như sau:

7.1. Điểm mạnh của cơ sở đào tạo

- Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng với kiến trúc hiện đại, phục vụ tốt cho nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí và phát triển tối đa năng lực cá nhân người học.

- Đội ngũ giảng viên: có trình độ chuyên môn cao (Khoa CNTT tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 35%), tâm huyết, năng động, sáng tạo, tiếp cận nhanh với phát triển của công nghệ, chủ động kết nối với các giảng viên và chuyên gia đang công tác và giảng dạy tại các trường đại học của các nước tiên tiến trên thế giới, giúp cho việc cập nhật kiến thức và công nghệ mới nhanh hơn để cập nhật cho người học.

- Mô hình phát triển: Nhà trường hướng đến phát triển thành trường Đại học số, chuyển đổi số trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học. Trường đã xây dựng trường quay DNTU từ năm 2017 để giảng viên xây dựng bài giảng điện tử phục vụ công tác đào tạo trực tuyến bằng phần mềm Canvas, Microsoft Team. Bên cạnh việc xây dựng Trung tâm thông tin thư viện số; và vận hành các phần mềm về quản lý đào tạo, thi, kiểm tra... Nhà trường cũng đã chính thức vận hành hệ thống phần mềm Misa trong công tác quản lý điều hành, toàn bộ văn bản được số hóa và ký duyệt thực thi trên hệ thống, tiết kiệm được thời gian và chi phí.

Với những điểm mạnh như trên, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai có đầy đủ năng lực để dự báo được những rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành đào tạo.

7.2. Điểm yếu của cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là trường Đại học tư thục, tự chủ về tài chính. Nên cũng gặp khó khăn trong việc đầu tư và phát triển một cách đồng bộ các mặt hoạt động của Trường. Ban đầu chú trọng vào công tác giảng dạy, chưa thực sự đầu tư cho phát triển nghiên cứu khoa học, dẫn đến việc đăng ký thực hiện đề tài các cấp và chuyển giao công nghệ cũng như công bố công trình NCKH trên các tạp chí thế giới còn khiêm tốn. Nhà trường đã từng bước khắc phục những hạn chế này bằng các chính sách cụ thể, giúp cho số lượng các công trình NCKH đăng trên các tạp chí ISI, Scopus trong những năm gần đây đang được tăng lên.

- Xây dựng cơ sở vật chất song song với phát triển đào tạo: Trong những năm đầu thành lập vì điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai vừa phải xây dựng sở vật chất song song với phát triển giáo dục đào tạo nên đã gặp không ít khó khăn trong công tác điều hành, quản lý đào tạo cũng như tìm nguồn vốn đầu tư cho các định hướng phát triển. Đến năm 2023, trường đã hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, phục vụ cho người học nghiên cứu, học tập và phát triển tối đa năng lực bản thân.

- Quy hoạch, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự đặc biệt là đội ngũ giảng viên không được thực sự ổn định vì Trường nằm giáp với Tp. Hồ Chí Minh, nên việc thu hút nhân lực chất lượng cao về công tác là một vấn đề khó khăn, đặc biệt là đối với một trường Đại học tư thục.

7.3. Báo cáo, thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo:

Thông tư số: 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể tại Điều 12 trong đó 02 trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo như tự chủ mở ngành khi chưa đủ được điều kiện được tự chủ mở ngành theo quy định; tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện quy định. Quan trọng hơn, cơ sở bị đình chỉ ngành đào tạo sẽ không được tự chủ mở ngành trong 5 năm. Nếu cơ sở giáo dục bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, trường sẽ có những phương án và giải pháp cụ thể sau:

- Ưu tiên đưa ra những giải pháp trấn an tâm lý của học viên và đảm bảo các quyền lợi của người học;

- Tìm hiểu nguyện vọng của học viên để tư vấn chuyển sang những ngành đang đào tạo tại cơ sở giáo dục sao cho phù hợp với nguyện vọng của học viên cũng như quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục và của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

- Liên hệ những cơ sở giáo dục đại học uy tín trong khu vực có cùng ngành đào tạo để liên hệ chuyển trường cho học viên đúng theo nguyện vọng của ngành theo học, đảm bảo đúng quy chế hiện hành.

- Thỏa thuận, bồi hoàn chi phí học tập, tuyển sinh đến thời điểm học viên còn đang theo học nếu không đồng ý với các cách giải quyết nêu trên.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. **Địa chỉ website** đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ website: <https://dntu.edu.vn>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin sinh viên và học viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên và học viên có việc làm và cải thiện vị trí công tác sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên và học viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ thông tin; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ thạc sĩ - mã ngành 8480201 kể từ năm 2024.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và luôn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thúy Lan Chi